

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 23/2020/DS-ST

Ngày: 20/7/2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng và ông Hồ Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLST-DS ngày 24/02/2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-DS ngày 02/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-DS ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc B và bà Hoàng Thị L

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đậu Viết V (Có mặt);

Địa chỉ: 17 Đặng Nguyên C, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Thu H (Có mặt)

Địa chỉ: Số 31 Duy T, tổ dân phố V, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đậu Viết V trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc B, bà Hoàng Thị L với bà Nguyễn Thị Thu H, có mối quan hệ hàng xóm.

Vào ngày 04/8/2019 đến ngày 19/9/2019 ông B, bà L có gửi cho vợ chồng bà H,

ông Tr tổng số lượng 8.430 kg cà phê hạt cụ thể là:

Lần 1, ngày 04/8/2019, bà L gửi 1.000 kg cà phê nhân, thỏa thuận lãi 20kg/ 01 tạ.

Lần 2, ngày 19/9/2019, bà L gửi 7.430 kg cà phê nhân, thỏa thuận lãi 15kg/ 01 tạ.

Cả hai lần đều thỏa thuận hẹn ngày 15/12/2019 vợ chồng bà H, ông Tr sẽ giao số cà phê và lãi theo thỏa thuận.

Tổng lãi bà H, ông Tr phải trả là 1.686 kg cà phê.

Đến thời hạn thanh toán thì vợ chồng ông Tr, bà H trốn tránh, không chịu trả mặc dù ông B, bà L nhiều lần đòi. Nhận thấy ông Tr, bà H không có thiện chí trả nợ là vi phạm nghĩa vụ cam kết. Do đó đề nghị quý tòa giải quyết buộc vợ chồng ông Tr, bà H phải có nghĩa vụ trả số cà phê gốc là 8.430 kg cà phê hạt và 1.686 kg lãi theo thỏa thuận.

Tại phiên hòa giải ngày 19/5/2020 và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý xác định số lãi là 1.314 kg cà phê hạt và yêu cầu bị đơn trả số cà phê gốc là 8.430 kg cà phê hạt và lãi là 1.314 kg cà phê hạt. Rút yêu cầu xác định tiền lãi cà phê nhân xô chênh lệch là 372 kg cà phê.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Qua phần trình bày của ông Đậu Viết V là đúng về số nợ cà phê còn khoản tiền lãi tính chưa đúng, cụ thể: Vào ngày 04/8/2019 đến ngày 19/9/2019 ông B, bà L có gửi cho vợ chồng bà H, ông Tr tổng số lượng 8.430 kg cà phê hạt cụ thể là:

Lần 1, ngày 04/8/2019, bà L gửi 1.000 kg cà phê nhân, thỏa thuận lãi 20kg/ 01 tạ.

Lần 2, ngày 19/9/2019, bà L gửi 7.430 kg cà phê nhân, thỏa thuận lãi 15kg/ 01 tạ.

Cả hai lần đều thỏa thuận hẹn ngày 15/12/2019 vợ chồng bà H, ông Tr sẽ giao số cà phê và lãi theo thỏa thuận.

Tổng số lãi tính theo thỏa thuận là 1.314 kg cà phê.

Do hoàn cảnh gia đình kinh tế hết sức khó khăn, bị bể nợ nên đến hạn thanh toán thì gia đình tôi chưa trả được nợ. Nay ông B, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng tôi trả gốc và lãi cà phê thì tôi có nguyện vọng chỉ trả dần số lượng 9.744 kg cà phê gốc và lãi là 600 kg/ 01 năm cho đến khi trả hết nợ.

Do các bên không thống nhất được phương án trả nợ nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Tr vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Tr trả số nợ cà phê nhân xô gốc là 8.430 kg cà phê và lãi cà phê nhân xô là 1.314 kg cà phê.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tòa án thị lý vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản, tuy nhiên trong quá trình giải quyết giữa ông B, bà L với ông Tr, bà H lập giấy không thể hiện là giấy vay tài sản nhưng trong hợp đồng thể hiện bà L gửi cà phê cho bà H có thỏa thuận lãi suất do đó đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Vào ngày 23/6/2020 Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn Tr mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn Tr.

[3] *Về nội dung tranh chấp:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và phần trình bày của bị đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 04/8/2019 đến ngày 19/9/2019 ông B, bà L có cho vợ chồng bà H, ông Tr vay tổng số lượng 8.430 kg cà phê nhân xô cụ thể: Lần 1, ngày 04/8/2019, bà L cho bà H, ông Tr vay 1.000 kg cà phê nhân, thỏa thuận lãi 20kg/ 01 tạ; Lần 2, ngày 19/9/2019, bà L cho bà H, ông Tr vay tiếp 7.430 kg cà phê nhân, thỏa thuận lãi 15kg/ 01 tạ.

Việc ông B, bà L cho bà H, ông Tr vay 8.430 kg cà phê được các bên thừa nhận là có thật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết rõ ràng, được các bên thừa nhận nên là sự kiện không phải chứng minh. Việc xác lập hợp đồng vay tài sản giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên cho vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 463 Bộ luật dân sự, nhưng ông Tr, bà H đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Việc ông Tr, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, bà L. Do đó bà L, ông B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị Thu H trả số lượng 8.430 kg cà phê hạt là có cơ sở và phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản lãi 1.314 kg cà phê nhân xô, Hội đồng xét xử xét thấy số lượng cà phê 1.314 kg cà phê hạt tương đương số tiền: 1.314 kg cà phê hạt x 31.600 đồng (Giá

trung bình năm 2020) = 41.522.400 đồng (Bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng) tương đương với khoản lãi của cà phê được tính như sau:

Giá cà phê trung bình tại thời điểm năm 2019 là 33.200 đồng/ kg. Như vậy 8.430 kg cà phê có giá trị là 8.430 kg cà phê x 33.200 đồng/kg = 279.876.000 đồng. Lãi quá hạn tính từ ngày 15/12/2019 cho đến ngày xét xử 20/7/2020 sẽ là: 279.876.000 đồng x 1.6%/ tháng x 07 tháng 05 ngày = 32.092.448 đồng.

Lãi suất trong hạn của khoản vay 1.000 kg cà phê có giá trị thời điểm năm 2019 là 1.000 kg cà phê x 33.200 đồng = 33.200.000 đồng; lãi trong hạn từ ngày 04/8/2019 đến ngày 15/12/2019 là 33.200.000 đồng x 0,83%/ tháng x 04 tháng 11 ngày = 1.203.278 đồng.

Lãi suất trong hạn của khoản vay 7.430 kg cà phê có giá trị thời điểm năm 2019 là 7.430 kg cà phê x 33.200 đồng = 246.676.000 đồng; lãi trong hạn từ ngày 19/9/2019 đến ngày 15/12/2019 là 246.676.000 đồng x 0,83%/ tháng x 03 tháng 26 ngày = 7.916.654 đồng.

Vậy tổng số lãi tính từ thời điểm vay cho đến thời điểm xét xử sẽ là: 32.092.448 đồng + 1.203.278 đồng + 7.916.654 đồng = 41.212.380 đồng.

Như vậy số lượng lãi cà phê thỏa thuận theo hợp đồng tương đương với lãi suất được tính theo quy định của pháp luật, việc thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 205, Điều 207, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc B, bà Hoàng Thị L tổng số cà phê là 9.744 kg cà phê nhân xô (Trong đó nợ gốc là 8.430 kg cà phê nhân xô và lãi theo thỏa thuận là 1.314 kg cà phê nhân xô).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr, bà Hoàng Thị L phải chịu 15.395.520 đồng án phí Dân sự sơ thẩm (9.744 kg cà phê nhân xô x 31.600 đồng x 5% = 15.395.520 đồng); hoàn trả cho bà Hoàng Thị L, ông Nguyễn Ngọc B số tiền 8.117.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0004808 ngày 21/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn